

Số: 14 /QĐ-MNNP

Phú Xuyên, ngày 07 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý IV năm 2025; Công khai dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2026 của trường mầm non Nam Phong

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quy chế thực hiện công khai trong hoạt động trường mầm non Nam Phong; Kế hoạch số 100/KH-MNNP ngày 02/10/2025 về việc thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT năm học 2025-2026;

Xét đề nghị của bộ phận hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai:

- Số liệu thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý IV năm 2025.
- Dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2026.

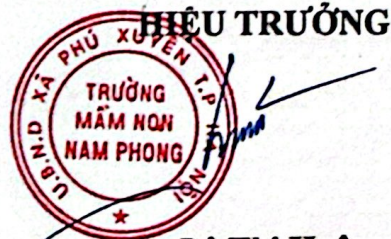
(theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận hành chính, kế toán, cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Kinh tế xã Phú Xuyên;
- Như điều 3;
- Lưu: VT.



Lê Thị Huệ

UBND XÃ PHÚ XUYÊN
TRƯỜNG MẦM NON NAM PHONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 15 /TB-MNNP

Phú Xuyên, ngày 07 tháng 01 năm 2026

THÔNG BÁO

Niêm yết công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý IV năm 2025;
Công khai dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2026
của trường mầm non Nam Phong

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư 90/2018-TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017-TT-BTC;

Căn cứ Quy chế thực hiện công khai trong hoạt động trường mầm non Nam Phong, Kế hoạch số 100/KH-MN ngày 02/10/2025 về việc thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT năm học 2025-2026.

Bộ phận thực hiện công khai: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Văn thư.

Địa điểm niêm yết: Bảng niêm yết công khai của nhà trường; trang website thông tin điện tử.

Thời gian niêm yết: Từ ngày 08 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 08 tháng 02 năm 2026.

Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi: Trực tiếp cho bộ phận thực hiện công khai hoặc qua hòm thư Gmail của nhà trường: mnnamphong@phuxuyen.edu.vn

Thời gian trả lời giải quyết ý kiến thắc mắc: Chậm nhất là 08/01/2026.



Phủ Xuyên, ngày 08 tháng 01 năm 2026

BIÊN BẢN

Niêm yết công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý IV năm 2025; Công khai dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2026 của trường mầm non Nam Phong

Căn cứ Quy chế thực hiện công khai trong hoạt động trường mầm non Nam Phong và Kế hoạch số 100/KH-MNNP ngày 02/10/2025 về việc thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT năm học 2025-2026;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-MNNP ngày 07 tháng 01 năm 2026 về việc công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý IV năm 2025; Công khai dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2026 của trường mầm non Nam Phong.

Hôm nay vào lúc 8h30' ngày 08/01/2026, tại trường MN Nam Phong

Thành phần tham dự:

1. Bà Lê Thị Huệ - Chức vụ: Hiệu trưởng.
2. Bà Nguyễn Thị Hạnh - Phó hiệu trưởng.
3. Bà Nguyễn Thị Nhung - Phó hiệu trưởng.
4. Bà Hoàng Thị Hương - Văn Thư - Thư ký
5. Bà Tạ Thị Phương Như - Chi ủy viên
6. Nguyễn Thị Xuân Mai - Chi ủy viên
7. Bà Vũ Thị Hoàn - TT tổ mẫu giáo
8. Bà Lê Thị Mai Hương - TT tổ nhà trẻ
9. Bà Nguyễn Thị Thúy - TT tổ văn phòng
10. Bà Phạm Thị Trà Giang - TT tổ nuôi dưỡng
11. Bà Phạm Thị Mai Hồng - Chức vụ: Kế toán

NỘI DUNG

Trường Mầm non Nam Phong đã tiến hành niêm yết công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý IV năm 2025; Công khai dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2026 của trường mầm non Nam Phong theo Thông tư 90/2018/TT-BTC (kèm theo biểu đính kèm).

* Vị trí niêm yết: Tại bảng tin của nhà trường và trang website thông tin điện tử.

* Thời điểm bắt đầu: từ 8 giờ 30 phút ngày 08/01/2026

Thời điểm kết thúc: 8 giờ 30 phút ngày 08/02/2026 (30 ngày liên tục).

Các bản kê khai đã được niêm yết đảm bảo an toàn không rách nát hoặc mất mát dưới sự chứng kiến của các thành viên trên.

Biên bản lập xong hồi 9 giờ 00' cùng ngày, lập thành 2 bản. Biên bản đã được thông qua cho mọi người cùng nghe.

THƯ KÝ

Hoàng Thị Hường



Lê Thị Huệ

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính
 Đơn vị: Trường mầm non Nam Phong
 Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ IV NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Số tt	Nội dung	Đvt: Triệu đồng Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	405
I	Số thu phí, lệ phí	405
a	Học phí	
b	Học phẩm	
c	Chăm sóc bán trú	355
d	Trang thiết bị PV bán trú	50
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
I	Chi sự nghiệp.....	405
a	Học phí	0
b	Học phẩm	0
c	Chăm sóc bán trú	355
d	Trang thiết bị PV bán trú	50
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	405
I	Phí	
a	Học phí	0
b	Học phẩm	0
c	Chăm sóc bán trú	355
d	Trang thiết bị PV bán trú	50
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	18,830
I	Nguồn ngân sách trong nước	18,830
1	Chi quản lý hành chính	18,830
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	14,317
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4,513
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	



6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	

3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chỉ bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chỉ hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Kế toán



Phạm Thị Mai Hồng

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Lê Thị Huệ



CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
 dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90 /2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ (Tên đơn vị) công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý (6 tháng/cả năm) như

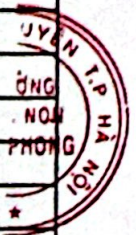
Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	116	116	30%	30%
I	Số thu phí, lệ phí	116	116	30%	30%
a	Học phí	0	0		
b	Học phẩm	0	0		
c	Chăm sóc bán trú	116	116	30%	30%
d	Trang thiết bị PV bán trú	0	0	30%	30%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	116	116	30%	30%
I	Chi sự nghiệp.....	116	116	30%	30%
a	Học phí	0	0		
b	Học phẩm	0	0		
c	Chăm sóc bán trú	116	116	30%	30%
d	Trang thiết bị PV bán trú	0	0	30%	30%
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
I	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Học phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	18,830	18,830	30%	30%
I	Nguồn ngân sách trong nước	18,830	18,830	30%	30%
1	Chi quản lý hành chính	18,830	18,830	30%	30%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	14,317	14,317	30%	30%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4,513	4,513		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				



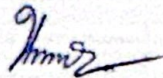
Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				



Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
7.2	Dự án E				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Kế toán



Phạm Thị Mai Hồng

Thủ trưởng đơn vị
(Chữ ký, dấu)



Lê Thị Huệ

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ IV NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	116	116	0	
1	Lệ phí				
2	Phí				
a	Học phí	0	0	0	
b	Học phẩm	0	0	0	
c	Chăm sóc bán trú	116	116	0	
d	Trang thiết bị PV bán trú	0	0	0	
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	116	116	0	
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
a	Học phí	0	0	0	
b	Học phẩm	0	0	0	
c	Chăm sóc bán trú	116	116	0	
d	Trang thiết bị PV bán trú	0	0	0	
	Phí ...				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	18,830	18,830	0	
I	Nguồn ngân sách trong nước	18,830	18,830	0	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	14,317	14,317	0	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4,513	4,513	0	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	18,830	18,830	0	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	14,317	14,317	0	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4,513	4,513		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				



4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Người vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				

2	Chỉ sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chỉ bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chỉ hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Kế toán

Phạm Thị Mai Hồng

Phạm Thị Mai Hồng

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Lê Thị Huệ



CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2026

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90 /2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

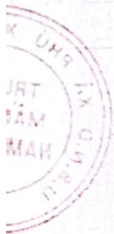
Trường Mầm non Nam Phong công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý (6 tháng/cả năm) như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý/6	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0		0%
I	Số thu phí, lệ phí	0	0	0%	0%
a	Học phí	0	0		
b	Học phẩm	0	0		
c	Chăm sóc bán trú	0	0	0%	0%
d	Trang thiết bị PV bán trú	0	0	0%	0%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	0	0%	0%
1	Chi sự nghiệp.....	0	0	0%	0%
a	Học phí	0	0		
b	Học phẩm	0	0		
c	Chăm sóc bán trú	0	0	0%	0%
d	Trang thiết bị PV bán trú	0	0	0%	0%
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Học phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	12,912	12,912	0%	0%
I	Nguồn ngân sách trong nước	12,912	12,912	0%	0%
1	Chi quản lý hành chính	12,912	12,912	0%	0%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	9,053	9,053	0%	0%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3,859	3,859		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học				
2.1	công nghệ				



	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				



3.2	Dự án B				
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chỉ bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chỉ hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chỉ quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chỉ sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chỉ bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chỉ hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				



7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Kế toán

Phạm Thị Mai Hồng

Phạm Thị Mai Hồng

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Lê Thị Huệ
Lê Thị Huệ



Phú Xuyên, ngày 09 tháng 2 năm 2026

BIÊN BẢN

Kết thúc niêm yết công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý IV năm 2025; Công khai dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2026 của trường mầm non Nam Phong

Căn cứ Quy chế thực hiện công khai trong hoạt động trường mầm non Nam Phong và Kế hoạch số 100/KH-MNNP ngày 02/10/2025 về việc thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT năm học 2025-2026;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-MNNP ngày 07 tháng 01 năm 2026 về việc công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý IV năm 2025; Công khai dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2026 của trường mầm non Nam Phong.

Hôm nay vào lúc 9h00' ngày 09/02/2026, tại trường Mầm non Nam Phong.

Thành phần tham dự:

1. Bà Lê Thị Huệ - Chức vụ: Hiệu trưởng.
2. Bà Nguyễn Thị Hạnh - Phó hiệu trưởng.
3. Bà Nguyễn Thị Nhung - Phó hiệu trưởng.
4. Bà Hoàng Thị Hương - Văn Thư - Thư ký
5. Bà Tạ Thị Phương Như - Chi ủy viên
6. Nguyễn Thị Xuân Mai - Chi ủy viên
7. Bà Vũ Thị Hoàn - TT tổ mẫu giáo
8. Bà Lê Thị Mãi Hương - TT tổ nhà trẻ
9. Bà Nguyễn Thị Thúy - TT tổ văn phòng
10. Bà Phạm Thị Trà Giang - TT tổ nuôi dưỡng
11. Bà Phạm Thị Mai Hồng - Chức vụ: Kế toán

NỘI DUNG

Trường Mầm non Nam Phong đã tiến hành kết thúc niêm yết công khai công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý IV năm 2025; Công khai dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2026 của trường mầm non Nam Phong theo thông tư 90/2018/TT-BTC.

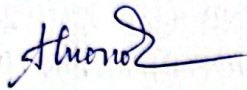
Vị trí kết thúc niêm yết: Tại bảng tin của nhà trường.

Thời gian niêm yết: bắt đầu từ 8h30' ngày 08 tháng 01 năm 2026, kết thúc việc niêm yết vào hồi 8h30' ngày 08 tháng 02 năm 2026 (30 ngày liên tục).

Trong thời gian niêm yết, không có tập thể, cá nhân nào có ý kiến đóng góp hoặc bổ sung vào biểu đánh giá thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý IV năm 2025 và dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2026.

Biên bản lập xong hồi 9h30' cùng ngày, lập thành 2 bản. Biên bản đã được thông qua cho mọi người cùng nghe.

THƯ KÝ



Hoàng Thị Hường

